

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/HS-ST.

Ngày: 18/11/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Văn Duy**

2. Bà **Lê Thị Gấn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Mỹ Ngọc**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Phan Minh Tân** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 53/2022/TLST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 296/2022/QĐST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

PHẠM VĂN S (T A), sinh năm xxxx; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký HKTT: số 47/43A KP 4, P4, Thị xã G, tỉnh T; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 01/12; Cha: Phạm Văn M, sinh năm xxxx; Mẹ: Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm xxxx; Vợ: Ngô Thị Ngọc N, sinh năm xxxx; Con: Phạm Bảo N, sinh năm xxxx và Phạm Văn T, sinh năm xxxx; Đặc điểm nhân thân: Vào ngày 29/01/2013, Phạm Văn S bị Ủy ban nhân dân Thị xã G, tỉnh T áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 29/01/2013 (đã được xóa tiền sự); Tiền án: Không; Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 01/7/2022 và có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: 1/ **Quách Nguyễn Đông P**, sinh năm xxxx; Địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện G, tỉnh T (vắng mặt).

2/ **Nguyễn Thị Hồng N**, sinh năm xxxx; Địa chỉ: ấp X, xã K, huyện G, tỉnh T (xin vắng mặt).

3/ **Trần Tấn H**, sinh năm xxxx; Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh T (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: 1/ **Quách Nguyễn Phương V**, sinh năm 1999; Địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện G, tỉnh T (vắng mặt).

2/ **Nguyễn Thị Thu V**, sinh năm xxxx; Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh T (vắng mặt).

3/ **Đặng Chí T**, sinh năm xxxx; Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện G, tỉnh T (vắng mặt).

4/ **Nguyễn Trương Thanh T**, sinh năm xxxx; Địa chỉ: KP 4, phường 3, Thị xã G, tỉnh T (vắng mặt).

5/ **Nguyễn Bá T**, sinh năm xxxx; Địa chỉ: khu phố 1, P4, Thị xã G, tỉnh T (vắng mặt).

6/ **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm xxxx; Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện G, tỉnh T (vắng mặt).

7/ **Nguyễn Thanh T**, sinh năm xxxx; Địa chỉ: khu phố 3, phường 2, Thị xã G, tỉnh T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 26/6/2022, Phạm Văn S, sinh năm xxxx, ngụ KP 4, P4, Thị xã G, tỉnh T đón xe ôm từ Thị xã G, tỉnh T đến nhà trọ của TE(là em ruột của S) tại xã K, huyện G, tỉnh T để chơi. Khi đến đoạn đường gần ngã ba đèn xanh đỏ thuộc ấp 1, xã T thì S nhìn thấy có một chiếc xe mô tô Wave RXS màu đỏ - đen, biển số 63B7-xxxxx của anh Quách Nguyễn Đông P, sinh năm xxxx, ngụ ấp 1, xã T, huyện G, tỉnh T đang đậu trước Shop mỹ phẩm Lily tại ấp 1, xã T, huyện G, tỉnh T do anh Phương quản lý, sử dụng, có gắn chìa khoá sẵn trên xe. Lúc này, S kêu xe ôm dừng lại và trả tiền cho người xe ôm, khi người xe ôm đi thì S đi bộ lại chỗ chiếc xe mô tô 63B7-358.75, S quan sát không nhìn thấy người trông coi nên lén lút lấy trộm chiếc xe mô tô 63B7-xxxxx và chạy về Thị xã G, khi đến đoạn đường gần Chợ “Gia Cầm” thuộc Thị xã G, S có ghé vào vừa ve chai tháo biển số 63B7-xxxxx của chiếc xe mà S đã trộm được vút vào bãi đất trống gần vừa ve chai, rồi điều khiển xe về tiệm game bắn cá của Nguyễn Thanh T (HĐ), sinh năm xxxx, ngụ khu phố 3, phường 2, Thị xã G, tỉnh T, S lượm biển số xe 63S1 -7570 gắn vào xe đã trộm. Sau đó, S điều khiển xe mô tô trộm được đến gặp và cầm cố cho Nguyễn Trương Thanh T (tên thường gọi là Ba Gà), sinh năm xxxx, ngụ KP 4, phường 3, Thị xã G, tỉnh T với số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), S lấy tiền cầm xe được đem đi chơi game bắn cá, khoảng 30 phút sau thì Tâm có điện thoại cho S, kêu S mang tiền đến chuộc xe lại do Tâm thấy thông tin trên Facebook có người

đăng chiếc xe mô tô trên bị mất trộm nên S gặp Tâm đưa lại cho Tâm số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), S kêu Tâm đem chiếc xe mô tô mà S đã trộm được trả lại cho người bị mất xe (số tiền còn lại là 1.500.000 đồng S chơi game bắn cá hết).

Qua điều tra bị cáo Phạm Văn S khai nhận còn thực hiện 02 (hai) vụ “trộm cắp tài sản” khác tại huyện G, tỉnh T, cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất: Vào khoảng 07 giờ ngày 23/6/2022, Phạm Văn S có đi xe ôm của người đàn ông lạ mặt cùng với Nguyễn Anh V (V Ẽt), sinh năm xxxx, ngụ khu phố 3, P4, Thị xã G, tỉnh T đến địa bàn xã K, huyện G, tỉnh T tìm xe máy để trộm cắp, khi đến đoạn đường ngã 3 thuộc ấp Chợ, xã K thì S trả tiền xe ôm và đi lòng vòng khu vực cổng chào ấp Chợ, xã K, còn V thì đi ngược hướng đến ngã 4 xã K. Lúc này, S quan sát thấy có chiếc xe Wave màu vàng - đen, biển số 63B7 – xxxxx của chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm xxxx, ngụ ấp X, xã K, huyện G, tỉnh T đang để cập mé lộ nhựa không có ai trông coi, chìa khóa xe vẫn còn cắm ở ổ khóa trên xe, S thấy vậy liền lại gần chiếc xe rồi leo lên xe để máy và điều khiển xe máy vừa trộm cắp được chạy về Thị xã G, tỉnh T, khi đến ngã 4, xã K thì thấy V nên S chở V về tiệm game bắn cá của Nguyễn Thanh T (HĐ) ở phường 5, Thị xã G, tỉnh T. S vào tiệm game bắn cá trước rồi S đưa xe mô tô vừa trộm cắp được cho V đi cầm cố, S không biết V cầm cố chiếc xe mô tô này cho ai, một lúc sau V quay lại tiệm game bắn cá nói với S cầm chiếc xe Wave vừa trộm cắp được với số tiền là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Sau đó, S và V vào tiệm game bắn cá chơi thua hết số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) rồi S và V ra về.

- Vụ thứ hai: Vào khoảng 10 giờ ngày 16/12/2021, Phạm Văn S có đi xe ôm của người đàn ông lạ mặt đến địa bàn xã T, huyện G, tỉnh T tìm xe máy để trộm cắp, sau khi S trả tiền cho người đàn ông chạy xe ôm xong, S đi bộ một đoạn đường đến ấp X, xã T, huyện G, tỉnh T thì S thấy chiếc xe Wave màu đỏ - đen, biển số 63B4 – xxxxx của anh Trần Tấn H, sinh năm xxxx, ngụ ấp B, xã B, huyện C, tỉnh T dựng ngoài mé đường, để anh H tiếp thị bánh kẹo cho tiệm tạp hóa mà không rút chìa khóa xe ra khỏi ổ khóa xe máy, không có ai trông coi nên S lén lút lên xe máy rồi điều khiển xe máy vừa trộm cắp được chạy về hướng xã B, huyện G, tỉnh T để bán chiếc xe máy cho Đặng Văn Chí T, sinh năm xxxx, ngụ ấp T, xã B, huyện G, tỉnh T với giá 3.400.000 đồng (Ba triệu bốn trăm nghìn đồng). Sau đó, S lấy tiền bán xe máy đã trộm cắp được đem đóng tiền nhà trọ và tiêu xài cá nhân hết.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn S đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Theo Kết luận định giá tài sản số 70/KL-HĐĐGTS xác định giá trị tài sản bị thiệt hại như sau: 01 (Một) xe mô tô hai bánh, biển số 63B7-358.75, nhãn hiệu

Honda, loại xe Wave RSX, màu sơn: đỏ - đen, số máy: JA38E0114422, số khung: 3819GY048382, dung tích: 109 cm³, ngày đăng ký lần đầu: 21/8/2017. Thời điểm định giá ngày 26/6/2022. Có tổng giá trị tài sản định giá: **17.500.000** đồng (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Theo Kết luận định giá tài sản số 104/ KL – HĐĐGTS xác định giá trị tài sản là: 01 (Một) xe máy biển số 63B7 – xxxxx, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave S, màu Vàng - Đen, số khung 5266DY048829, số máy JC52E1159097, đăng ký lần đầu ngày 10/01/2014 có giá trị là **9.000.000** đồng (Chín triệu đồng).

Theo Kết luận định giá tài sản số 106/ KL – HĐĐGTS xác định tài sản là 01 (Một) xe máy biển số 63B4 – xxxxx, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave S, màu Đỏ - Đen- Bạc, số khung 21XCY106931, số máy C52E-4125888, đăng ký lần đầu ngày 22/12/2011 có giá trị **7.200.000** đồng (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng)

Tang vật thu giữ:

+ 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX, màu sơn: đỏ đen, số máy: JA38E0114422, số khung: 3819GY048382 và 01 (một) biển số 63S1-7570 (biển số đã bị S thay đổi vào xe mô tô trên), do Nguyễn Trương Thanh T (tên thường gọi là Ba Gà), sinh năm xxxx, ngụ KP 4, phường 3, Thị xã G, tỉnh T giao nộp;

+ 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave S, màu vàng – đen, số khung 5266DY048829, số máy JC52E1159097 và 01 (một) biển số 63B6 - 128.49 (biển số đã bị V thay đổi vào xe mô tô trên) do Nguyễn Trương Thanh T (tên thường gọi là Ba Gà), sinh năm xxxx, ngụ KP 4, phường 3, Thị xã G, tỉnh T giao nộp.

+ 01 (Một) xe mô tô biển số 63B4-07540, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave S, màu đỏ do Đặng Văn Chí T, sinh năm xxxx, ngụ ấp T, xã B, huyện G, tỉnh T giao nộp.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về bản kết luận định giá tài sản và vật chứng của vụ án.

* Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại là anh Quách Nguyễn Đông P, chị Nguyễn Thị Hồng N, anh Trần Tấn H đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất và không có yêu cầu gì về bồi thường trách nhiệm dân sự đối với bị cáo Phạm Văn S.

- Đối với người liên quan anh Đặng Văn Chí T, sinh năm xxxx, sinh năm xxxx, ngụ ấp T, xã B, huyện G, tỉnh T đã mua của Phạm Văn S 01 (Một) xe mô tô, hiệu HONDA, loại xe Wave, biển số 63B4 – xxxxx, màu đỏ - đen – bạc, số khung 21XCY106931, số máy C52E-4125888 với giá 3.400.000 đồng (Ba triệu bốn trăm ngàn đồng) nên yêu cầu bị cáo S bồi thường trách nhiệm dân sự số tiền 3.400.000 đồng (Ba triệu bốn trăm ngàn đồng).

- Đối với người liên quan anh Nguyễn Trương Thanh T (tên thường gọi là Ba Gà), sinh năm xxxx, ngụ KP 4, phường 3, Thị xã G, tỉnh T đã nhận cầm cố của Phạm Văn S 01 (Một) xe mô tô, hiệu HONDA, loại xe Wave RSX, màu đỏ đen, số khung 3819GY048382, số máy JA38E0114422 và nhận cầm từ Nguyễn Anh V cho Phạm Văn S 01 (Một) xe mô tô, hiệu HONDA, loại xe Wave S, màu vàng - đen, số khung 5266DY048829, số máy JC52E1159097 với giá 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) mỗi chiếc, tuy nhiên S đã trả lại cho anh Tâm được 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) nên yêu cầu bị cáo S bồi thường trách nhiệm dân sự số tiền 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng)

* Bản Cáo trạng số 54/CT-VKSGCD ngày 11/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo Phạm Văn S về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Văn S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn S từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho anh Đặng Văn Chí T số tiền **3.400.000** đồng (Ba triệu bốn trăm ngàn đồng); Bồi thường cho anh Nguyễn Trương Thanh T số tiền **4.500.000** đồng (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

Bị cáo Phạm Văn S nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Gò Công Đông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án đã có lời khai của họ về những tình tiết có liên quan và việc vắng mặt của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh

hưởng đến việc xét xử vụ án, bị cáo cũng không có ý kiến gì nên căn cứ quy định tại Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông đã truy tố đối với bị cáo. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó đã có cơ sở xác định: Vào khoảng 17 giờ ngày 26/6/2022 tại ấp 1, xã T, huyện G, tỉnh T; ngày 23/6/2022 tại ấp Chợ, xã K, huyện G, tỉnh T và ngày 16/12/2021 tại ấp X, xã T, huyện G, tỉnh T bị cáo Phạm Văn S đã lén lút lấy trộm tài sản của anh Quách Nguyễn Đông P 01 (Một) xe mô tô, hiệu HONDA, loại xe Wave RSX, biển số 63B7 – xxxxx có giá trị là: **17.500.000** đồng (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng); trộm cắp tài sản của chị Nguyễn Thị Hồng N 01 (Một) xe mô tô, hiệu HONDA, loại xe Wave S, biển số 63B7 – xxxxx có giá trị là: **9.000.000** đồng (Chín triệu đồng) và trộm cắp tài sản của anh Trần Tấn H 01 (Một) xe mô tô, hiệu HONDA, loại xe Wave S, biển số 63B4 – xxxxx có giá trị là: **7.200.000** đồng (Bảy triệu hai trăm ngàn đồng). Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Phạm Văn S chiếm đoạt là **33.700.000** đồng (Ba mươi ba triệu bảy trăm ngàn đồng).

Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định về tội trộm cắp tài sản như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

... ”

Như vậy hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản có giá trị **33.700.000** đồng của bị cáo Phạm Văn S đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo Phạm Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[4] Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- Xét khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Phạm Văn S đã trưởng thành, đủ khả năng nhận thức việc chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật nhưng do bị cáo xem thường quyền sở hữu tài sản của người khác, xem thường pháp luật nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội đến cùng. Bị cáo là người trong độ tuổi lao động, có sức khỏe bình thường, không có nghề nghiệp ổn

định, không có lối sống tích cực cho bản thân, gia đình và có ích cho xã hội, không có ý thức chấp hành pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân.

- Xét về nhân thân: Bị cáo Phạm Văn S không có tiền án, tiền sự. Bị cáo bị Ủy ban nhân dân Thị xã G, tỉnh T áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 29/01/2013 (đã được xóa tiền sự).

- Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Văn S đã 03 lần trộm cắp tài sản người khác nên đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Xét thấy, bị cáo S có một tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; có một tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Nhưng chỉ vì lười biếng lao động, bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác thể hiện sự coi thường pháp luật. Để đấu tranh ngăn chặn và phòng ngừa có hiệu quả tội phạm cần thiết phải xử phạt bị cáo mức hình phạt thật nghiêm khắc, nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo, tu dưỡng thành người công dân tốt.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, do xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định và không có tài sản.

[6] Đối với Nguyễn Anh V (V Ệt), sinh năm xxxx, ngụ khu phố 3, P4, Thị xã G, tỉnh T, qua xác minh hiện tại Vkhông có mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì không rõ nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Gò Công Đông chưa làm việc được. Khi làm việc được có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với Nguyễn Trương Thanh T (tên thường gọi là Ba Gà), sinh năm xxxx, ngụ KP 4, phường 3, Thị xã G, tỉnh T đã nhận cầm cố 01 (Một) xe mô tô, hiệu HONDA, loại xe Wave S, màu vàng - đen, số khung 5266DY048829, số máy JC52E1159097 và 01 (Một) xe mô tô, hiệu HONDA, loại xe Wave RSX, màu đỏ đen, số khung 3819GY048382, số máy JA38E0114422 với giá 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) mỗi chiếc. Tuy nhiên, qua điều tra, xác minh tại thời điểm Tâm nhận

cầm các tài sản trên thì Tâm hoàn toàn không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát Cảnh sát điều tra không khởi tố, xử lý là có cơ sở.

Đối với Đặng Văn Chí T, sinh năm xxxx, sinh năm xxxx, ngụ ấp T, xã B, huyện G, tỉnh T đã mua 01 (Một) xe mô tô, hiệu HONDA, loại xe Wave, biển số 63B4 – xxxxx, màu đỏ - đen – bạc, số khung 21XCY106931, số máy C52E-4125888 với giá 3.400.000 đồng (Ba triệu bốn trăm ngàn đồng) do Phạm Văn S bán. Tuy nhiên, qua điều tra, xác minh tại thời điểm Tâm mua tài sản trên thì Tâm hoàn toàn không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát Cảnh sát điều tra không khởi tố, xử lý là có cơ sở.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại là anh Quách Nguyễn Đông P, chị Nguyễn Thị Hồng N, anh Trần Tấn H đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất và không có yêu cầu gì về bồi thường trách nhiệm dân sự đối với bị cáo Phạm Văn S nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Văn Chí T đã mua của Phạm Văn S 01 (Một) xe mô tô, hiệu HONDA, loại xe Wave, biển số 63B4 – xxxxx, màu đỏ - đen – bạc, số khung 21XCY106931, số máy C52E-4125888 với giá 3.400.000 đồng (Ba triệu bốn trăm ngàn đồng) nên yêu cầu bị cáo S bồi thường trách nhiệm dân sự số tiền **3.400.000** đồng (Ba triệu bốn trăm ngàn đồng). Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường số tiền **3.400.000** đồng (Ba triệu bốn trăm ngàn đồng) cho anh Đặng Văn Chí T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trương Thanh T đã nhận cầm cố của Phạm Văn S 01 (Một) xe mô tô, hiệu HONDA, loại xe Wave RSX, màu đỏ đen, số khung 3819GY048382, số máy JA38E0114422 và nhận cầm từ Nguyễn Anh V cho Phạm Văn S 01 (Một) xe mô tô, hiệu HONDA, loại xe Wave S, màu vàng - đen, số khung 5266DY048829, số máy JC52E1159097 với giá 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) mỗi chiếc, tuy nhiên S đã trả lại cho anh Tâm được 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) nên yêu cầu bị cáo S bồi thường trách nhiệm dân sự số tiền **4.500.000** đồng (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng). Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường số tiền **4.500.000** đồng (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng) cho anh Nguyễn Trương Thanh T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Gò Công Đông đã tiến hành trao trả cho anh Quách Ngọc Đông P: 01 (Một) xe mô tô, hiệu HONDA, loại xe Wave RSX, biển số 63B7 – xxxx, màu đỏ đen, số khung 3819GY048382, số máy JA38E0114422; Trao trả cho chị Nguyễn Thị Hồng N: 01 (Một) xe mô tô, hiệu HONDA, loại xe Wave S, biển số 63B7 – xxxxx, màu vàng - đen, số khung 5266DY048829, số máy JC52E1159097; Trao trả cho anh Trần Tấn H: 01 (Một) xe mô tô, hiệu HONDA, loại xe Wave, biển số 63B4 – xxxxx, màu đỏ - đen – bạc, số khung 21XCY106931, số máy C52E-4125888; Trao trả cho anh

Nguyễn Bá T: 01 (Một) biển số xe 63B6 – xxxxx; Trao trả cho chị Nguyễn Thị Kim L: 01 (Một) biển số xe 63S1 – 7570 nên Hội đồng xét xử không xem xét

[9] Lời luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã truy tố. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Phạm Văn S phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 395.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố: Bị cáo **Phạm Văn S** phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.

- Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn S 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính kể từ ngày 01/7/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho anh Đặng Văn Chí T số tiền **3.400.000** đồng (Ba triệu bốn trăm ngàn đồng); Bồi thường cho anh Nguyễn Trương Thanh T số tiền **4.500.000** đồng (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Phạm Văn S phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 395.000 đồng (Ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND tỉnh TG;

- VKSND H.GCĐ;
- Công an H.GCĐ;
- THA;
- Bị cáo
- Bị hại;
- Lưu HS, AV.

Nguyễn Văn Nguyên